**DANH MỤC**

**Bệnh truyền nhiễm quản lý trong trường học**

*(Đính kèm công văn số:……/GDĐT-CTTT ngày…. tháng 10 năm 2018)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Bệnh** | **Đường lây truyền** | **Thời gian**  **cách ly** | **Các dấu hiệu và triệu chứng chính** | **Trường hợp báo ngay cho y tếđịa phương khi có** |
| 1 | Sởi | Vật dụng nhiễm  Giọt nhỏ  Không khí | 5 ngày sau phát ban | Sốt, ban đỏ toàn thân,  Viêm long hô hấp,  Dấu koplic (+) | 1 ca/trường |
| 2 | Tay chân miệng | Vật dụng nhiễm  Giọt nhỏ  Không khí  Tiêu hóa | Các mụn nước lành hẳn | Sốt, loét miệng,  Mụn nước ở bàn tay, bàn chân, mông, đầu gối … | 2 ca/ trường/14 ngày |
| 3 | Rubella | Vật dụng nhiễm  Giọt nhỏ  Không khí | 7 ngày sau phát ban | Ban đỏ toàn thân,  Sưng hạch cổ và sau gáy, sốt | 1 ca/trường |
| 4 | Ho gà | Vật dụng nhiễm  Giọt nhỏ | 14 ngày sau khởi phát | Ho cơn kéo dài, ói mửa sau cơn ho | 1 ca/trường |
| 5 | Bạch hầu | Vật dụng nhiễm  Giọt nhỏ | XN âm tính 2 lần | Sốt, màng giả trắng ở họng, hầugây nghẹt thở | 1 ca/trường |
| 6 | Quai bị | Vật dụng nhiễm  Giọt nhỏ  Không khí | 9 ngày sau sưng hạch | Sốt, sưng tuyến nước bọt 2 bên hoặc 1 bên | 2 ca/ trường/14 ngày |
| 7 | Thủy đậu | Vật dụng nhiễm  Giọt nhỏ  Không khí | Khi lành các nốt đậu | Sốt, nổi bóng nước nhiều ở thân mình, ít ở mặt và tứ chi | 2 ca/ trường/14 ngày |
| 8 | Cúm A, B | Vật dụng nhiễm  Giọt nhỏ | 7 ngày sau khởi phát | Sốt, ho, đau họng | 1 ca/trường |
| 9 | SXH | Muỗi vằn | 7 ngày sau khởi phát | Sốt cao đột ngột, xuất huyết da, niêm mạc | 2 ca/ trường/14 ngày |
| 10 | Viêmhọng nhiễm siêu vi | Vật dụng nhiễm Giọt nhỏ |  | Sốt, ho | 2 ca/ trường/14 ngày |
| 11 | Tả | Ăn uống | XN âm tính 3 lần | Tiêu chảy xối xả  phân trắng, tanh hôi | 1 ca/trường |
| 12 | Não mô cầu | Vật dụng nhiễm  Giọt nhỏ | Đến khi  lành bệnh | Sốt cao, tử ban | 1 ca/trường |
| 13 | Viêm não virus | Tùy theo tác nhân | Đến khi  lành bệnh | Sốt, rối loạn tri giác, liệt… | 1 ca/trường |
| 14 | Viêm phổi virus nặng | Tùy theo tác nhân | Đến khi  lành bệnh |  | 1 ca/trường |
| 15 | Bệnh nặng không rõ nguyên nhân | Không rõ | Đến khi  lành bệnh |  | 1 ca/trường |